BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1186 /KH-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập

Thực hiện Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 71-NQ/TW); Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới (Nghị quyết số 105/NQ-CP), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch đẩy mạnh triển khai công tác sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập giai đoạn 2026-2030. Cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập phù hợp với chủ trương chuyển mạnh từ tư duy *"quản lý giáo dục"* sang *"quản trị phát triển giáo dục"*; chuyển trọng tâm từ giảm đầu mối cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mối quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, *"giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy"*; thực hiện thí điểm mô hình một trường chính, có các phân hiệu, điểm trường; hợp nhất các đầu mối quản lý để hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô lớn.

- Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; tăng quy mô, mạng lưới trường mầm non, trung học phổ thông, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3, 4 tuổi; có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ, xác định rõ lộ trình, phương án và nguồn lực thực hiện, bảo đảm phù hợp với điều kiện của từng địa phương; gắn việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Việc sắp xếp phải được thực hiện trên cơ sở rà soát, đánh giá đầy đủ hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục, quy mô dân số, phân bố dân cư, nhu cầu học tập, điều kiện địa lý, cơ sở vật chất, đội ngũ và khả năng tiếp cận giáo dục của người học.

- Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị thuộc Bộ với các địa phương trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; bảo đảm việc đánh giá được thực hiện khách quan, toàn diện, trên cơ sở kết quả thực hiện và tác động thực tế.

II. NGUYÊN TẮC

1. Việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục phải phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số và không gian phát triển; lấy mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đầu tư và năng lực quản trị làm định hướng xuyên suốt; không thực hiện sắp xếp một cách cơ học chỉ nhằm giảm đầu mối; trong quá trình thực hiện cần đánh giá, rút kinh nghiệm giai đoạn 1, hình thành mô hình quản lý, đánh giá tác động các đối tượng liên quan, đề ra giải pháp để triển khai giai đoạn tiếp theo chặt chẽ, hiệu quả, tuyệt đối không để học sinh do hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường.

2. Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục. Không sáp nhập trường mầm non với trường phổ thông; không sáp nhập trường phổ thông với các trung tâm GDTX, GDNN-GDTX; không sắp xếp cơ sở giáo dục chuyên biệt với các trường phổ thông đại trà. Ưu tiên tổ chức lại các cơ sở giáo dục cùng cấp học hoặc có vị trí địa lý gần nhau.

3. Lấy người học làm trung tâm. Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh rào cản địa lý và chi phí; không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục. Bảo đảm mỗi đơn vị hành chính cấp xã có tối thiểu 01 trường mầm non, 01 trường phổ thông. Quy hoạch, phát triển mạng lưới trường trung học phổ thông phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

4. Gắn sắp xếp mạng lưới với đổi mới quản trị nhà trường và tinh gọn đầu mối quản lý; sử dụng hiệu quả đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của địa phương và cơ sở giáo dục.

5. Bảo đảm tính ổn định, kế thừa, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động dạy học, tâm lý của học sinh, nhà giáo và cha mẹ học sinh. Tổ chức thực hiện linh hoạt, có lộ trình phù hợp với thực tiễn từng vùng miền, đặc biệt là miền núi, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm an toàn cho người dạy, người học, người quản lí.

6. Theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình thực hiện dựa trên dữ liệu và tác động thực tiễn; kịp thời phát hiện vướng mắc để điều chỉnh phương án, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nhân rộng các mô hình phù hợp.

III. MỤC TIÊU, LỘ TRÌNH

1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDTX công lập, phấn đấu giảm ít nhất 30% đầu mối cơ sở giáo dục công lập hiện có.

- Thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục tinh gọn đầu mối quản lý gắn với thực hiện cơ cấu lại đội ngũ theo hướng giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy.

- Giữ ổn định quy mô học sinh ở các điểm trường, phân hiệu, sắp xếp, điều phối hiệu quả đội ngũ nhà giáo để nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Lộ trình

- *Từ ngày 01/7/2026*: Thực hiện thí điểm sáp nhập đầu mối quản lý cơ sở giáo dục trên cùng địa bàn để hình thành các mô hình trường học quy mô lớn có các phân hiệu, điểm trường; thiết lập mô hình quản trị trường học.

- *Trước ngày 30/8/2026*: Hoàn thành giai đoạn thí điểm, thiết lập mạng lưới trường lớp phù hợp với địa bàn, quy mô dân số; hoàn thiện bộ máy tổ chức và phương án quản trị trường học để vận hành ngay từ đầu năm học 2026 - 2027.

- *Trước ngày 30/12/2026:* Đánh giá toàn diện các đối tượng tác động, rút kinh nghiệm giai đoạn 1 (thí điểm); hình thành mô hình quản lý; đề ra giải pháp để triển khai giai đoạn tiếp theo.

- *Từ ngày 30/3/2027*: Từ kết quả triển khai giai đoạn 1 (thí điểm), tiếp tục thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quản lý.

- *Trước ngày 30/4/2027:* Hoàn thành toàn diện việc sắp xếp, tinh gọn các đầu mối quản lý hành chính; ổn định công tác quản trị, tài chính, tài sản công; bảo đảm toàn hệ thống vận hành đồng bộ, thông suốt và không gây bất cứ ảnh hưởng nào đến hoạt động chuyên môn dạy và học tại các điểm trường.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức rà soát, đánh giá về mạng lưới cơ sở giáo dục

- Tổng hợp phân tích dữ liệu về quy mô trường, lớp, điểm trường, đội ngũ, cơ sở vật chất, tình hình chuyển đổi số và hiệu quả quản trị.

- Ban hành hướng dẫn thực hiện sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục.

- Xây dựng biểu mẫu và bộ tiêu chí đánh giá công tác sắp xếp trên nền tảng số.

- Xây dựng, cập nhật báo cáo đánh giá về tình hình sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục trên nền tảng số.

2. Triển khai thí điểm một số mô hình tổ chức và mô hình quản trị cơ sở giáo dục phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp

a) Mục đích: Giai đoạn 1 (thí điểm) áp dụng một số mô hình tổ chức và mô hình quản trị cơ sở giáo dục nhằm kiểm chứng tính phù hợp, đánh giá hiệu quả,

tác động trong điều kiện thực tiễn làm cơ sở hoàn thiện cơ chế, chính sách trước khi triển khai giai đoạn 2 trên phạm vi toàn quốc.

b) Yêu cầu: Việc tổ chức thí điểm ở giai đoạn 1 phải bảo đảm phản ánh được sự đa dạng về quy mô trường học, điều kiện địa lý, đặc điểm dân cư và mô hình tổ chức của các địa phương, làm cơ sở đánh giá khả năng áp dụng, điều kiện triển khai và những vấn đề cần hoàn thiện trước khi nhân rộng.

c) Tổ chức thực hiện thí điểm:

- Lựa chọn các địa phương tham gia giai đoạn 1 *(Danh sách tại Phụ lục số 01)* trên cơ sở bảo đảm tính đại diện về vùng, miền, quy mô dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm mạng lưới cơ sở giáo dục và năng lực tổ chức thực hiện.

- Căn cứ điều kiện thực tiễn, mỗi địa phương xây dựng kế hoạch, phương án, điều kiện triển khai, lựa chọn một hoặc một số mô hình phù hợp; xác định rõ phạm vi, lộ trình, mục tiêu, giải pháp và trách nhiệm tổ chức thực hiện; tổ chức theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Việc lựa chọn mô hình thí điểm phải phù hợp với đặc điểm dân cư, quy mô trường học, điều kiện địa lý, năng lực quản trị và nhu cầu phát triển giáo dục của địa phương.

- Trong quá trình triển khai, các địa phương chủ động rà soát, điều chỉnh phương án khi cần thiết; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, bất cập về cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện để tổng hợp, nghiên cứu hoàn thiện.

d) Các mô hình thí điểm triển khai giai đoạn 1 (vận hành từ 01/7/2026):

- *Mô hình 1* - Trường một cấp học quy mô lớn (hoặc Trung tâm GDTX) có các phân hiệu: Cấu trúc gồm 01 trường chính có các phân hiệu, điểm trường. Cơ cấu nhân sự gồm 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, 01 bộ phận hành chính – nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với phân hiệu, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi phân hiệu có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để bảo đảm chất lượng giáo dục.

- *Mô hình 2* - Trường phổ thông nhiều cấp học quy mô lớn: được thực hiện tại 1 địa điểm hoặc các địa điểm khác nhau; cấu trúc gồm 01 trường chính, có các phân hiệu, điểm trường với nhiều cấp học. Cơ cấu nhân sự gồm 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, bộ phận hành chính – nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với cấp học, phân hiệu, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về cấp học, quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi phân hiệu có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Các mô hình thí điểm phải vận hành hiệu quả, chuyển trọng tâm từ quản lý sang quản trị hiệu quả, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để giảm áp

lực về thủ tục hành chính, minh bạch, thông suốt và được kiểm soát, kiểm đếm trên nền tảng số tập trung (quản lý đồng bộ nhân sự, tài chính, tài sản, hồ sơ chuyên môn); bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quyền học tập của học sinh và chất lượng giáo dục toàn hệ thống.

đ) Cơ cấu lại đội ngũ nhân sự và nâng cao năng lực quản trị cơ sở giáo dục

- Cơ cấu lại để lựa chọn nhân sự đủ năng lực, kinh nghiệm, trình độ, phù hợp cho các vị trí lãnh đạo, quản lý nhà trường; phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu.

- Đổi mới phương thức quản trị, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành theo hướng: giảm tối đa về thủ tục hành chính không cần thiết; minh bạch, thông suốt và được kiểm soát, kiểm đếm trên nền tảng số dùng chung trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động giáo dục toàn trường.

- Xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cụ thể hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập (chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã, luân chuyển làm giáo viên hoặc giải quyết nghỉ theo chế độ phù hợp năng lực, nguyện vọng và yêu cầu công việc).

- Xây dựng lộ trình, kế hoạch bảo lưu chế độ, phụ cấp đối với cán bộ quản lý bị ảnh hưởng do sắp xếp bộ máy theo quy định hiện hành và chính sách đặc thù của địa phương.

- Rà soát, bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo đáp ứng yêu cầu mới; đầu tư xây dựng nhà công vụ để tạo điều kiện cho giáo viên công tác tại địa bàn khó khăn.

- Sử dụng linh hoạt, tối ưu hóa nguồn nhân lực thông qua các biện pháp điều động, thuyên chuyển, biệt phái, hoặc bố trí giáo viên dạy liên trường giữa các điểm trường, phân hiệu và các cơ sở giáo dục trên cùng địa bàn.

e) Đánh giá hiệu quả giai đoạn 1 (thí điểm):

- Việc đánh giá kết quả thí điểm được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa các chỉ tiêu định lượng và đánh giá định tính về hiệu quả quản trị, chất lượng giáo dục, hiệu quả sử dụng đội ngũ, cơ sở vật chất và mức độ phù hợp của từng mô hình trong điều kiện thực tiễn.

- Theo các tiêu chí kiểm đếm tại *Phụ lục số 03 của Kế hoạch.* Số lượng, tỷ lệ trường đạt quy mô theo định hướng được tính trên tổng số cơ sở giáo dục của từng cấp học, loại hình tại thời điểm đánh giá so với số liệu tại thời điểm ngày 01/7/2025.

- Việc đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu phải bảo đảm thống nhất về phương pháp tính, nguồn số liệu và thời điểm thống kê theo hướng dẫn của BỘ GDĐT.

- Đối với giai đoạn thí điểm, các chỉ tiêu được tính trên cơ sở tổng hợp số liệu của 15 tỉnh, thành phố tham gia thí điểm; tỷ lệ hoàn thành được xác định theo kết quả chung của toàn bộ 15 địa phương.

f) Triển khai giai đoạn 2 sau thí điểm:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thí điểm vào tháng 12/2026; đánh giá mức độ phù hợp của từng mô hình, hiệu quả quản trị, tác động đến chất lượng giáo dục, việc sử dụng đội ngũ, cơ sở vật chất và các nguồn lực đầu tư; xác định các điều kiện áp dụng, khó khăn, vướng mắc và những nội dung cần hoàn thiện về cơ chế, chính sách.

- Trên cơ sở kết quả tổng kết, xây dựng hướng dẫn triển khai; đề xuất sửa đổi, tiếp tục bổ sung các quy định có liên quan, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức nhân rộng các mô hình phù hợp để triển khai đại trà trên phạm vi toàn quốc từ 01/3/2027.

3. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách hệ thống dữ liệu, công cụ quản lý số

a) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các thông tư về điều lệ trường học, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, định mức đội ngũ, kiểm định chất lượng, tuyển sinh và các quy định liên quan theo thẩm quyền.

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định chưa phù hợp với thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù đối với miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống dữ liệu, công cụ quản lý số

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về mạng lưới cơ sở giáo dục.

- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục trên nền tảng số.

- Tăng cường khai thác dữ liệu số phục vụ công tác quy hoạch, dự báo quy mô, tình hình đội ngũ và nhu cầu đầu tư.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện

- Hướng dẫn xây dựng và thực hiện các mô hình trường có quy mô lớn, trường phổ thông nhiều cấp học, quản trị nhà trường hiện đại gắn với chuyển đổi số.

- Hỗ trợ địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Theo dõi việc thực hiện các mục tiêu về giảm số lượng đầu mối, tăng quy mô trường học, hiệu quả sử dụng nguồn lực, chất lượng giáo dục và chuyển đổi số.

- Định kỳ công bố kết quả đánh giá, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các khó khăn, bất cập.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Nghiên cứu, đề xuất định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục giai đoạn 2031-2045 theo hướng hiện đại, số hóa và hội nhập quốc tế.

5. Truyền thông, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, quan điểm, nội dung và lộ trình thực hiện; tạo sự thống nhất trong nhận thức về việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả quản trị và sử dụng nguồn lực.

- Chủ động cung cấp thông tin, hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc; tăng cường đối thoại với các địa phương, cơ sở giáo dục, đội ngũ nhà giáo, cha mẹ học sinh và các bên liên quan trong quá trình triển khai.

- Kịp thời phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả; nắm bắt dư luận xã hội, xử lý thông tin chưa chính xác, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Giáo dục Phổ thông chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và tham mưu triển khai Kế hoạch. Giao lãnh đạo Vụ Giáo dục Phổ thông phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ ban hành các văn bản tổ chức thực hiện theo Kế hoạch này.

2. Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ Kế hoạch Tài chính, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, Cục Quản lý chất lượng, Cục Giáo dục Nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên, Văn phòng Bộ và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch *(theo Phụ lục số 02)*.

3. Sở GDĐT các tỉnh, thành phố tổ chức thí điểm tham mưu UBND cấp tỉnh triển khai các nhiệm vụ theo hướng dẫn của Bộ; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai, trường hợp phát sinh khó khăn, ảnh hưởng đến quyền học tập của người học hoặc hoạt động của cơ sở giáo dục, báo cáo UBND cấp tỉnh để chủ động điều chỉnh phương án. Trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo Bộ GDĐT để xem xét, hướng dẫn.

VI. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch tại Bộ GDĐT được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước do Bộ GDĐT quản lý, phân bổ hàng năm. Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Bộ GDĐT yêu cầu các cơ quan, đơn vị theo nhiệm vụ được phân công phối hợp, tổ chức thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp);
- UBND tỉnh/TP (để phối hợp chỉ đạo);
- Các sở GDĐT (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Phạm Ngọc Thưởng

Phụ lục 01.

DANH SÁCH CÁC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM

1. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội
2. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
3. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng
4. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Huế
5. Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng
6. Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn
7. Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang
8. Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long
9. Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh
10. Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên
11. Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình
12. Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An
13. Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk
14. Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng
15. Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai

Phụ lục 02.

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời hạn hoàn thành
Năm 2026			
1	Rà soát, đánh giá thực trạng kết quả 01 năm sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên phạm vi toàn quốc.	Giáo dục Phổ thông	30/6/2026
2	Hướng dẫn, đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp.	Giáo dục Phổ thông	30/6/2026
3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tiêu chuẩn cơ sở vật chất, quy mô trường học… sau sắp xếp. *(sửa đổi, thay thế Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT).*	Kế hoạch Tài chính	30/8/2026
4	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tiêu chuẩn đánh giá về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. *(sửa đổi, thay thế Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT).*	Quản lí chất lượng	30/12/2026
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến định mức số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau sắp xếp. *(sửa đổi, thay thế Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT).*	Nhà giáo và Cán bộ quản lí giáo dục	30/9/2026
6	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. *(sửa đổi, thay thế Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT).*	Giáo dục Phổ thông	30/9/2026

7	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về Điều lệ trường mầm non *(sửa đổi, thay thế Thông tư số Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT).*	Giáo dục Mầm non	30/9/2026
8	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức và hoạt động các trường chuyên biệt vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *(sửa đổi, thay thế Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT, 04/2023/TT-BGDĐT, 12/2026/TT-BGDĐT).*	Giáo dục Phổ thông	30/9/2026
9	Hướng dẫn thí điểm thực hiện việc tiếp tục sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tại một số địa phương. Thí điểm sắp xếp để hình thành một số mô hình trường phổ thông có quy mô lớn: (1) mô hình trường mầm non, phổ thông một cấp học có nhiều điểm trường, cơ sở, phân hiệu; (2) mô hình trường phổ thông có nhiều cấp học…phù hợp với tình hình thực tiễn.	Giáo dục Phổ thông	30/9/2026
10	Hướng dẫn thí điểm sắp xếp quy mô, rà soát quy định tổ chức, hoạt động, điều chỉnh tiêu chuẩn chất lượng cho các trung tâm GDNN-GDTX sau khi sắp xếp; Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn chuyển đổi trung tâm GDNN-GDTX sang mô hình trường trung học nghề.	Giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên	30/9/2026
11	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu ngành phục vụ quản lý, giám sát mạng lưới trường học.	Khoa học Công nghệ và Thông tin	30/12/2026
12	Tổng kết, đánh giá kết quả thí điểm các mô hình tổ chức cơ sở giáo dục phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp; đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để triển khai trên phạm vi toàn quốc.	Giáo dục Phổ thông	30/12/2026
Năm 2027			
13	Sắp xếp đúng vị trí việc làm của viên chức ngành giáo dục. Rà soát, làm rõ số liệu, tình hình về việc thừa, thiếu giáo viên, nhân viên và đề xuất giải pháp về phương án biên chế, quản lý biên chế đối với ngành giáo dục.	Nhà giáo và Cán bộ quản lí giáo dục	30/3/2027

14	Xây dựng bộ chỉ số theo dõi công bằng giáo dục giữa các vùng, nhóm dân cư và nhóm yếu thế	Quản lí chất lượng	30/3/2027
15	Hướng dẫn các địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp tuyển dụng, hợp đồng; điều động, thuyên chuyển, biệt phái bố trí dạy liên trường, liên cấp giáo viên, nhân viên; cho phép điều chuyển chỉ tiêu biên chế giữa các trường để khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ, bảo đảm nguyên tắc "đủ trường, đủ lớp, đủ giáo viên".	Nhà giáo và Cán bộ quản lí giáo dục	30/5/2027
16	Nghiên cứu giải pháp chuyển đổi cơ chế giao chỉ tiêu biên chế cứng cho từng trường sang định mức biên chế linh hoạt theo quy mô học sinh.	Nhà giáo và Cán bộ quản lí giáo dục	30/5/2027
17	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hướng dẫn đối với từng loại hình trường học và các địa bàn đặc thù.	Giáo dục Phổ thông	30/5/2027
18	Xây dựng, cập nhật dữ liệu giáo dục "đúng, đủ, sạch, sống", thống nhất dùng chung, giúp nhận diện được sớm tình trạng thiếu giáo viên, thiếu phòng học, trường quá tải, học sinh có nguy cơ bỏ học và những bất hợp lý trong chi phí học tập, sử dụng ngân sách.	Khoa học Công nghệ và Thông tin	30/5/2027
19	Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả sắp xếp mạng lưới trường học giai đoạn 2027-2030 tầm nhìn 2031-2045.	Giáo dục Phổ thông	30/5/2027
20	Xây dựng bộ tiêu chí và hướng dẫn quản trị số đối với các cơ sở giáo dục sau sắp xếp.	Quản lí chất lượng	30/5/2027
21	Xây dựng mô hình dự báo quy mô học sinh, nhu cầu trường lớp và đội ngũ giáo viên đến năm 2035 phục vụ công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục.	Kế hoạch Tài chính	30/5/2027
22	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật và tháo gỡ khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai.	Giáo dục Phổ thông	30/12/2027
23	Xây dựng và triển khai Kế hoạch truyền thông về tiếp tục sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục giai đoạn 2026–2030; tổ chức truyền thông, tập huấn, đối thoại và hướng dẫn địa phương trong quá trình triển khai.	Văn phòng Bộ	30/12/2027

Phụ lục 03.

BẢNG THEO DÕI CHỈ TIÊU THỰC HIỆN Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG THÍ ĐIỂM

STT	Chỉ tiêu	Kết quả đạt được (So sánh với mốc ngày 01/7/2025)	
		Tính đến 30/8/2026	**Dự kiến 30/4/2027**
1	**Giảm đầu mối quản lý cơ sở giáo dục (số lượng, tỷ lệ %):**		
1.1	Số lượng, tỷ lệ đầu mối cơ sở giáo dục có tư cách pháp nhân giảm		
	Mầm non		
	Tiểu học		
	THCS		
	THPT		
1.2	Số lượng đầu mối cơ sở giáo dục giảm do sáp nhập		
1.3	Số lượng đầu mối cơ sở giáo dục giảm do giải thể		
1.4	Số lượng đầu mối cơ sở giáo dục giảm do tổ chức lại		
1.5	Số lượng đầu mối cơ sở giáo dục tăng do thành lập mới (bổ sung)		
	Tổng số đầu mối cơ sở giáo dục công lập giảm		
2.	**Quy mô số lớp/trường học**		
2.1	Số lớp trong trường mầm non, phổ thông có quy mô tối đa theo Thông tư 23.		
	Mầm non		
	Tiểu học		
	THCS		
	THPT		
2.2	Số trường mầm non, phổ thông có quy mô lớn		
	Số trường mầm non có quy mô khoảng 30 lớp (tiệm cận, đạt hoặc vượt)		
	Số trường tiểu học có quy mô khoảng 40 lớp		
	Số trường THCS có quy mô khoảng 45 lớp		
	Số trường THPT có quy mô khoảng 50 lớp		
	Số trường phổ thông 2 cấp học có quy mô khoảng 50 lớp		
	Số trường phổ thông 3 cấp học có quy mô khoảng 75 lớp		
2.3	Số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên có quy mô từ 02 phân hiệu trở lên		
	Mầm non		
	Phổ thông		
	Giáo dục thường xuyên		
3	**Tỷ lệ trung bình:**		

3.1	Tỷ lệ trung bình số lớp trong 1 đơn vị trường học:		
	Mầm non		
	Tiểu học		
	THCS		
	THPT		
	Trường phổ thông có 02 cấp học		
	Trường phổ thông có 03 cấp học		
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp		
3.2	Tỷ lệ trung bình số trường mầm non, phổ thông trong 1 đơn vị hành chính cấp xã		
	Mầm non		
	Tiểu học		
	THCS		
	THPT		
4	**Sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý, nhân sự hỗ trợ:**		
4.1	Số lượng vị trí Lãnh đạo, quản lý, nhân sự hỗ trợ **giảm:**		
	Hiệu trưởng/ Giám đốc trung tâm		
	Phó Hiệu trưởng/ Phó Giám đốc trung tâm		
	Vị trí nhân sự hỗ trợ (chuyên môn dùng chung như kế toán, văn thư, thủ quỹ...)		
4.2	Hiệu quả sử dụng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dôi dư sau sắp xếp:		
	Số người về công tác tại Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND cấp xã		
	Số người chuyển sang làm giáo viên trực tiếp giảng dạy		
	Số người chuyển sang công tác khác		
	Số người nghỉ chế độ theo nguyện vọng		
5	**Tăng cơ hội tiếp cận giáo dục THPT:**		
5.1	Số trường THPT xây mới		
5.2	Số trường THPT mở rộng, bổ sung		
5.3	Số trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THPT được hình thành sau sắp xếp		